

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 354/GDĐT-HSSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Về việc thực hiện báo cáo số liệu
CT HSSV và y tế trường học năm
học 2016 - 2017.

Ký: *Trần Đình Phú*

TRƯỞNG CÔNG TY TƯ TRỌNG	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: <i>GH</i>
	Ngày: <i>13/02/17</i>
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng trường THPT;
- Giám đốc TT GDTX.

Nhằm nắm bắt thông tin số liệu của các đơn vị về hoạt động công tác Học sinh sinh viên và công tác y tế trường học; Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị thực hiện báo cáo số liệu, cụ thể như sau:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện báo cáo số liệu theo mẫu (*mẫu 1A, 1B, 2C*);
- Các trường THPT, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên báo cáo số liệu theo mẫu (*mẫu 2A, 2B, 2C*) và gửi về cho cụm trường chuyên môn tổng hợp trước ngày **28/02/2017**;
- Báo cáo sử dụng font "Times New Roman", cỡ chữ 12.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo và cụm trường chuyên môn tổng hợp báo cáo gửi về cho Bà Lê Anh Huyền Trang – Chuyên viên phòng Công tác Học sinh sinh viên – email: lahtrang.sgddt@tphcm.gov.vn và gửi văn bản về phòng Công tác học sinh sinh viên trước ngày **15/03/2017**.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị tổng hợp báo cáo số liệu đúng thời hạn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Lưu VP, P.CT HSSV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Bùi Thị Diễm Thu

BẢNG BÁO CÁO SỐ LIỆU THỐNG KÊ

QUẬN/HUYỆN:

BẬC HỌC	TỔNG SỐ				CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG										TƯ VẤN TRƯỜNG HỌC							
	Trưởng	Trưởng	Đảng viên / Công chức, viên chức	Đảng viên/CBQL, GV	Trình độ			Tổng phụ trách đội			Bí thư chi đoàn giáo viên			Phòng tư vấn	Kiểm nhiệm	Chuyên trách						
					LLCT			Đảng viên	LLCT			Đảng viên	LLCT									
					TC	CN	CC		TC	CN	CC		TC			CN	CC	TC	CN	CC	TC	CD
	CL	NCL	CL	NCL	TC	CN	CC	Đảng viên	TC	CN	CC	Đảng viên	TC	CN	CC	Phòng tư vấn	Kiểm nhiệm	Chuyên trách	TC	CD	ĐH	SĐH
MẦM NON																						
TIỂU HỌC																						
THCS																						
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: 1/ CL (công lập); NCL (ngoài công lập); CBQL, GV (cán bộ quản lý, giáo viên); LLCT (lý luận chính trị); TC (trung cấp); CN (cử nhân); CC (cao cấp)

CD (cao đẳng); ĐH (đại học); SĐH (sau đại học)

2/ Số lượng thống kê trên bao gồm cả đối tượng đang theo học các lớp chuyên môn và lý luận chính trị

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên đóng dấu)

BẢNG BÁO CÁO SỐ LIỆU THỐNG KÊ

TRƯỜNG.....

CỤM:

BẬC HỌC	TỔNG SỐ				CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG										TƯ VẤN TRƯỜNG HỌC						
	Trường Trưởng	Trường Trưởng	Đảng viên/ Công chức, viên chức CL	Đảng viên/ CBQL, GV NCL	Trình độ			Trợ lý thanh niên				Bí thư chi đoàn giáo viên				Phòng tư vấn	Kiểm nhiệm	Chuyên trách			
					LLCT			Đảng viên	LLCT			Đảng viên	LLCT					Chuyên trách			
					TC	CN	CC		TC	CN	CC		TC	CN	CC			TC	CD	ĐH	SĐH
	CL	NCL	CL	NCL	TC	CN	CC	Đảng viên	TC	CN	CC	Đảng viên	TC	CN	CC	TC	CD	ĐH	SĐH		
THPT																					
GDTX																					
TỔNG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

Ghi chú: 1/ CL (công lập); NCL (ngoài công lập); CBQL, GV (cán bộ quản lý, giáo viên); LLCT (lý luận chính trị); TC (trung cấp); CN (cử nhân); CC (cao cấp)
CD (cao đẳng); ĐH (đại học); SĐH (sau đại học)

2/ Số lượng thống kê trên bao gồm cả đối tượng đang theo học các lớp chuyên môn và lý luận chính trị

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên đóng dấu)

NGÀNH HỌC	HỌC SINH			BẢO HIỂM Y TẾ			SỐ SK	NHÀ VỆ SINH	Y TẾ		NHÂN VIÊN Y TẾ					CĂNG-TIN		BẾP ĂN	
	Học nội trú	Học bán trú	Học 1 buổi	KSK BHYT	Đã mua BHYT	Chưa mua BHYT			Phòng y tế	Góc y tế	Y sĩ TC	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Kiểm nhiệm	Chưa bố trí	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Nhận HĐ suất ăn CN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Mầm non																			
Tiểu học																			
THCS																			
CỘNG																			

Ghi chú: Số liệu trong năm học 2016-2017 (Tính đến thời điểm báo cáo)

(1): Bậc học, ngành học

(2): Tổng số học sinh học nội trú tại trường

(3): Tổng số học sinh học bán trú tại trường

(4): Tổng số học sinh học 1 buổi tại trường

(5): Tổng số học sinh được khám sức khỏe lần 1

(6): Tổng số học sinh đã mua BHYT

(7): Tổng số học sinh chưa mua BHYT

(8): Tổng số học sinh có sổ theo dõi sức khỏe theo mẫu

TTLT số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDĐT

(9): Tổng số nhà vệ sinh tại trường

(10): Tổng số trường có phòng y tế

(11): Tổng số trường có góc y tế

(12): Tổng số nhân viên y tế có trình độ y sĩ trung cấp

(13): Tổng số nhân viên y tế có trình độ đạt chuẩn từ cao đẳng y trở lên

(14): Tổng số nhân viên y tế chưa có trình độ đạt chuẩn

(15): Tổng số nhân viên y tế thực hiện kiểm nghiệm

(16): Tổng số đơn vị trường học chưa bố trí nhân viên y tế

(17): Tổng số trường học có căng-tin đạt chuẩn có giấy CN VSATTP

(18): Tổng số trường học có căng-tin chưa được cấp giấy CN VSATTP

(19): Tổng số trường học có bếp ăn tại trường đạt chuẩn theo quy định, có giấy CN VS ATTP

(20): Tổng số trường học ký Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp

NGÀNH HỌC	HỌC SINH			BẢO HIỂM Y TẾ			SỐ SK	NHÀ VỆ SINH	Y TẾ		NHÂN VIÊN Y TẾ					CĂNG-TÍN		BẾP ĂN	
	Học nội trú	Học bán trú	Học 1 buổi	KSK BHYT	Đã mua BHYT	Chưa mua BHYT			Phòng y tế	Góc y tế	Y sĩ TC	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Kiểm nhiệm	Chưa bố trí	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Nhận HĐ suất ăn CN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
THPT																			
GDTX																			
CỘNG																			

Ghi chú: Số liệu trong năm học 2016-2017 (Tính đến thời điểm báo cáo)

(1): Bậc học, ngành học

(2): Tổng số học sinh học nội trú tại trường

(3): Tổng số học sinh học bán trú tại trường

(4): Tổng số học sinh học 1 buổi tại trường

(5): Tổng số học sinh được khám sức khỏe lần 1

(6): Tổng số học sinh đã mua BHYT

(7): Tổng số học sinh chưa mua BHYT

(8): Tổng số học sinh có sổ theo dõi sức khỏe theo mẫu

TTLT số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT

(9): Tổng số nhà vệ sinh tại trường

(10): Tổng số trường có phòng y tế

(11): Tổng số trường có góc y tế

(12): Tổng số nhân viên y tế có trình độ y sĩ trung cấp

(13): Tổng số nhân viên y tế có trình độ đạt chuẩn từ cao đẳng y trở lên

(14): Tổng số nhân viên y tế chưa có trình độ đạt chuẩn

(15): Tổng số nhân viên y tế thực hiện kiểm nhiệm

(16): Tổng số đơn vị trường học chưa bố trí nhân viên y tế

(17): Tổng số trường học có căng-tin đạt chuẩn có giấy CN VSATTP

(18): Tổng số trường học có căng-tin chưa được cấp giấy CN VSATTP

(19): Tổng số trường học có bếp ăn tại trường đạt chuẩn theo quy định, có giấy CN VS ATTP

(20): Tổng số trường học ký Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp

THỐNG KÊ THÔNG TIN TRỢ LÝ THANH NIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị: **Cụm.....**

STT	Đơn vị	Họ và tên	Số năm công tác TLTN	Thuộc diện cán bộ quy hoạch của đơn vị (1)	Ngày vào Đảng	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ (TC,CN, ThS, TS)	Trình độ lý luận Chính trị			Hoàn thành chứng chỉ quản lý giáo dục (2)
							SC	TC	CC	
1										
2										
3										
4										

Ghi chú: Thuộc diện quy hoạch, có chứng chỉ quản lý giáo dục đánh dấu (X) vào mục (1) và (2)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)